

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **224/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 8- 2020

V/v :*“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Trương Thị Thìn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên , tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1138/2020/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố Mỹ 2, phường NT, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ A, KPB, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Hương, anh Chiến vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng chị Trần Thị H trình bày:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Phạm Văn C kết hôn năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/1999. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc và thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng đã ly thân sống mỗi người một nơi từ 2008 đến nay. Hiện nay anh Chiến đã chung sống với người vợ khác và đã

có con chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn C.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 03/5/2000 và Phạm Yến V, sinh ngày 21/11/2002. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Yến V và tạm thời chị không yêu cầu anh Phạm Văn C phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị cam kết vợ chồng chị không có nợ chung

- **Về án phí:** Chị H xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*\* Theo bản tự khai ngày 19/5/2020 bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:*

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo chị Trần Thị H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống anh thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không hiểu và tôn trọng nhau, thường xuyên bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị Trần Thị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị Hương.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 03/5/2000 và Phạm Yến V, sinh ngày 21/11/2002. Ly hôn anh đồng ý giao cháu Yến Vy cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh C trình bày có 01 trại tôm ở xã Linh Tịnh, tỉnh Khánh Hòa. Anh đề nghị Tòa án cho thời gian để thỏa thuận với chị H. Trong trường hợp không thỏa thuận được anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết và sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan cho Tòa án. Anh hẹn ngày 08/6/2020 anh sẽ đến Tòa làm việc.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai ngày 19/5/2020 cháu Phạm Yến V, sinh ngày 21/11/2002 là con chị Trần Thị H và anh Phạm Văn C trình bày:* Nếu ba mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ Trần Thị H.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Phạm Văn C không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng đã ly thân từ 2008 đến nay. Chị H xin ly hôn anh C cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Các con chị H, anh C gồm Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 03/5/2000 và Phạm Yến V, sinh ngày 21/11/2002. Cháu T đã trưởng thành nên không giải quyết trong vụ án này. Cháu V có nguyện vọng ở với mẹ và chị H cũng xin được trực tiếp nuôi con, anh C cũng đồng ý giao cháu V cho chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H và anh C khai nợ chung không có. Về tài sản chung chị H nêu tự thỏa thuận, anh C cũng yêu cầu cho thời gian thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết tuy nhiên đến khi xét xử anh C cũng không có đơn yêu cầu

chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung của chị H, anh C trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C đầy đủ, anh C sau khi nộp bản tự khai thì không đến Tòa án làm việc nữa. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án và Chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tổng đạt trực tiếp cho anh C được và niêm yết: “Giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ” tại địa chỉ nơi anh C cư trú, tại trụ sở UBND phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và trụ sở Tòa án đúng thời hạn luật định nhưng anh C vẫn không đến Tòa án làm việc. Do anh C đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt anh C cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Qua trình bày của chị H và xác minh tại địa phương xét thấy cuộc sống chung của chị H và anh C không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, chị và anh C đã sống ly thân thời gian dài từ năm 2008 đến nay nên chị H xin được ly hôn với anh C. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh C cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh không còn tình cảm gì với chị H, chị H và anh đã sống ly thân thời gian dài từ năm 2008 đến nay hiện nay nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, trên thực tế chị H và anh C cũng đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên yêu cầu của chị Trần Thị H về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn C là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn C.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn C có 02 con chung là Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 03/5/2000 và Phạm Yến V, sinh ngày 21/11/2002. Cháu T đã trưởng thành nên không giải quyết trong vụ án này. Cháu V có nguyện vọng ở với mẹ và chị P cũng xin được trực tiếp nuôi con, anh C cũng đồng ý giao cháu V cho chị H nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị H nêu tự thỏa thuận, trong bản tự khai anh C yêu cầu cho thời gian thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung tuy nhiên anh C đã không đến Tòa án để làm việc theo giấy mời cũng như nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung. Do đó Tòa án không giải quyết về tài sản chung của chị H, anh C trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn C khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị H phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 1986; áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 03/5/2000 và Phạm Yến V, sinh ngày 21/11/2002. Giao con Phạm Yến V cho chị Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Phạm Thị Huyền T đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Phạm Văn C. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008993, ngày 06/4/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**6.** Chị Trần Thị H, anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/1999);
- Chi cục T.H.A. dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Hồng Ngọc**